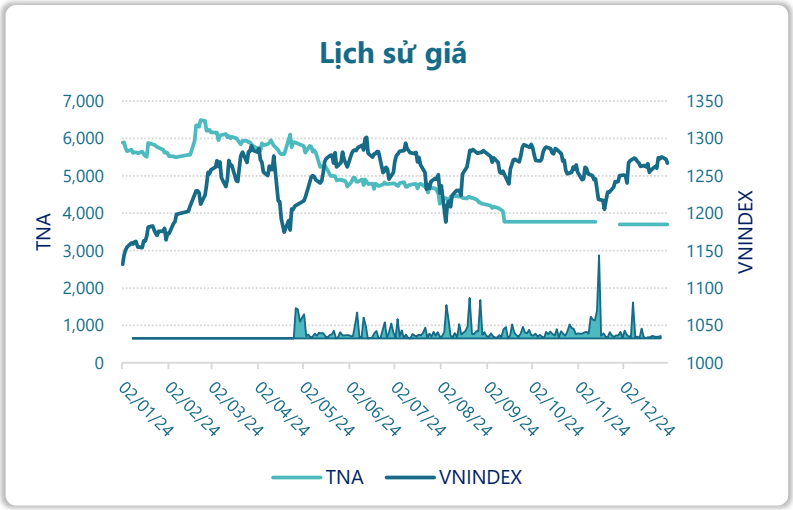
FireAnt

CTCP Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thiên Nam (UPCOM: TNA)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**3,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	
SL cổ phiếu LH	49,231,310
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	182
P/E	-3.0
EPS	-1,241

DT thuần

Q4/24

529

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 483| 1042%

YoY: ▼224| -29.8%

LN sau thuế

Q4/24

-25.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼14.9| -146%

YoY: ▼22.6| -905%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

-0.9%

+/- YoY: ▼ 3.3%

DT thuần

2024

1,247

tỷ VNĐ

YoY: ▼3,443| -73.4%

LN sau thuế

2024

-61.6

tỷ VNĐ

YoY: ▼65.0| -1920%

ROE

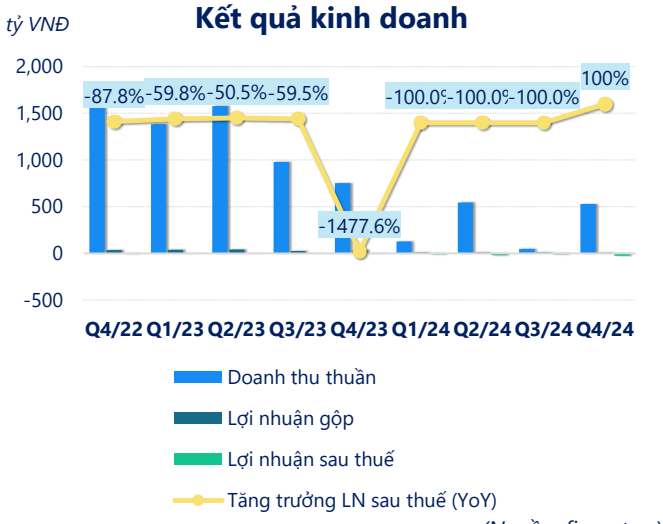
2024

-11.3%

+/- YoY: ▼ 12.0%

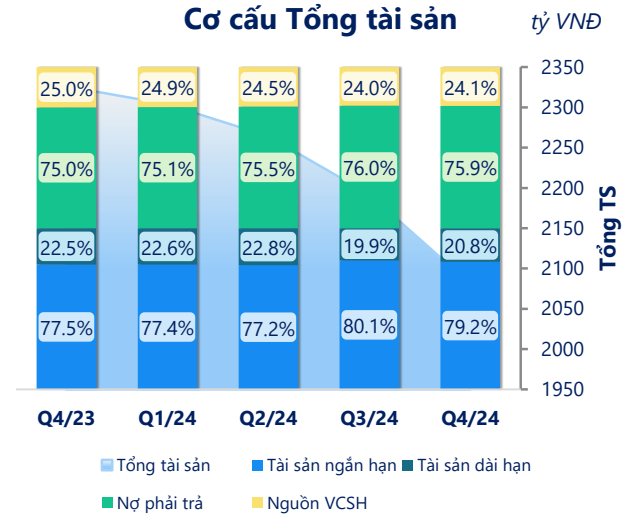
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



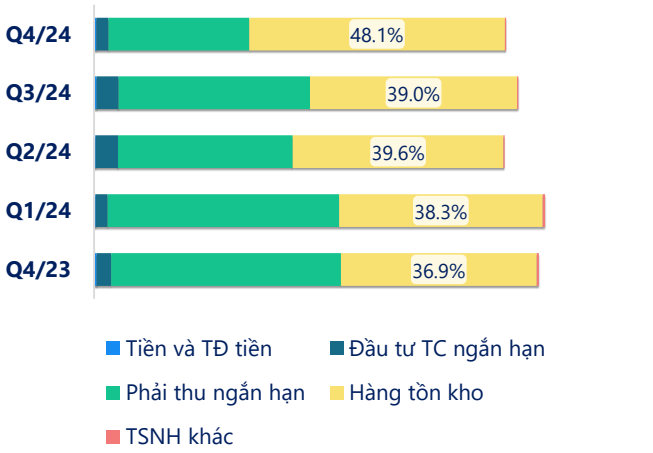
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



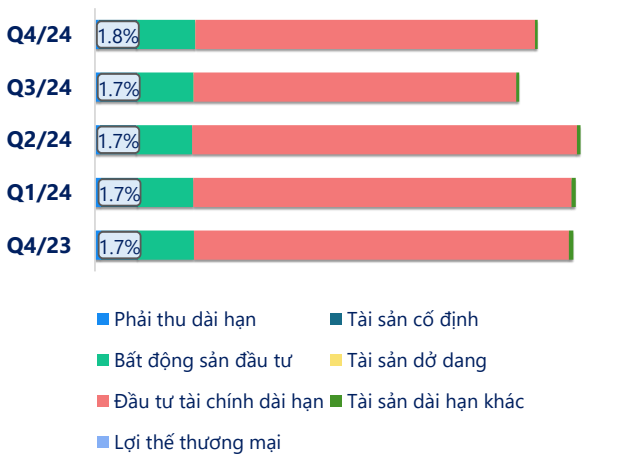
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



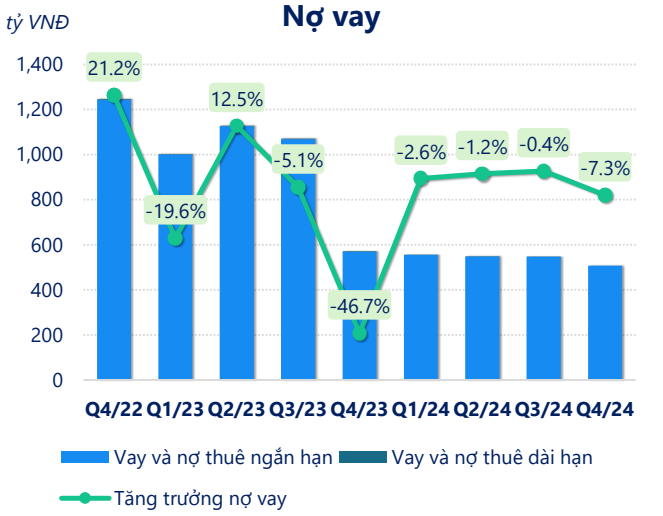
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



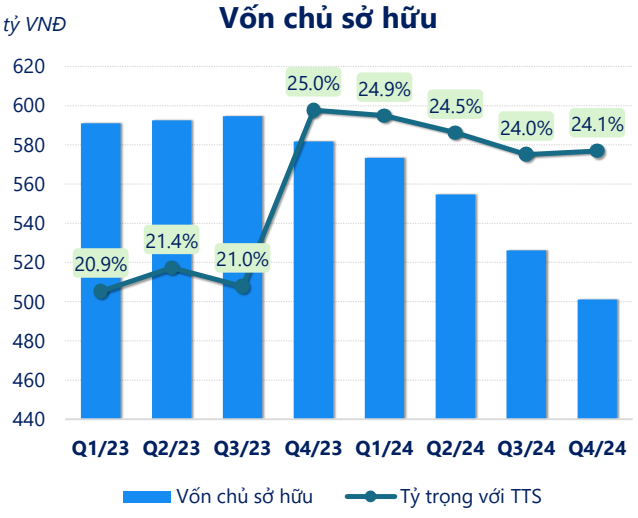
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



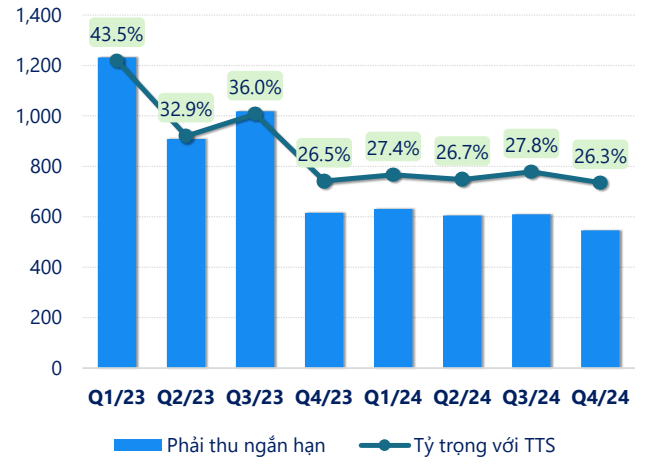
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



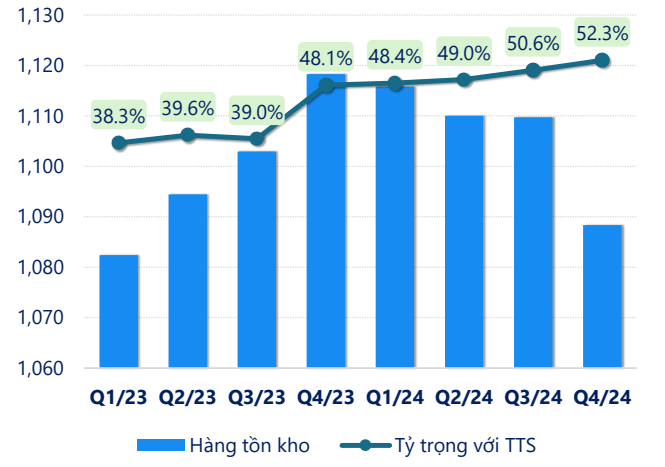
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



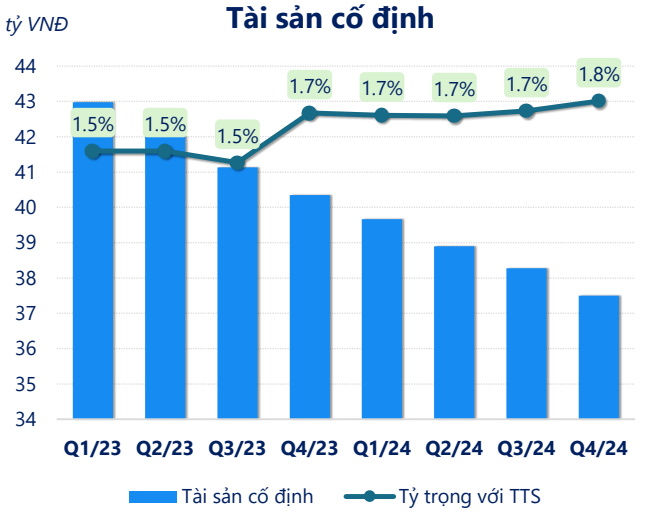
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



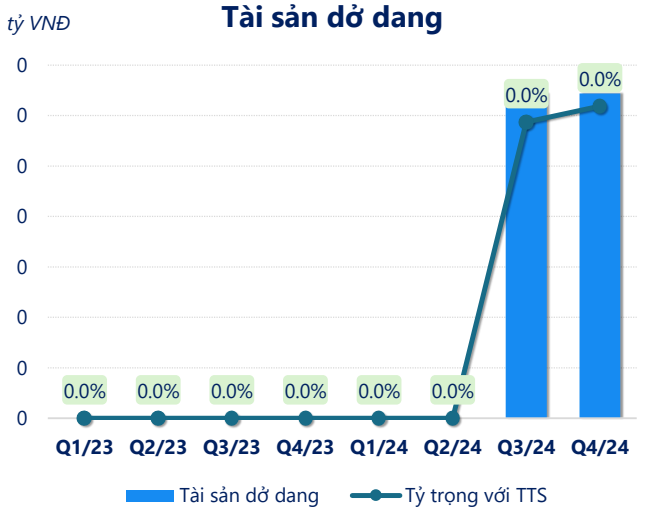
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



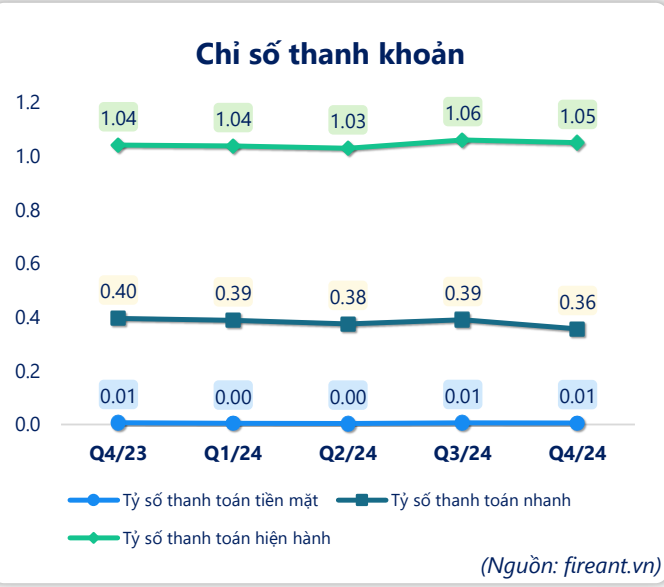
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



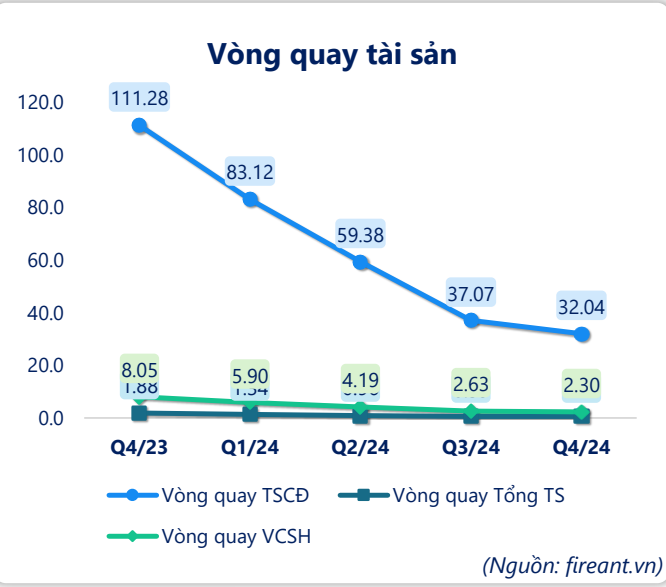
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**2,326**	**2,304**	**2,264**	**2,192**	**2,081**
Tài sản ngắn hạn	**1,803**	**1,783**	**1,747**	**1,755**	**1,648**
Tiền và tương đương tiền	10.7	6.66	6.31	10.3	8.83
Đầu tư tài chính ngắn hạn	52.6	25.4	21.2	21.2	0
Phải thu ngắn hạn	616	631	605	609	547
Hàng tồn kho	1,118	1,116	1,110	1,110	1,088
Tài sản ngắn hạn khác	5.40	4.69	4.38	4.33	3.98
Tài sản dài hạn	**523**	**521**	**517**	**437**	**433**
Phải thu dài hạn	6.80	6.79	5.37	5.37	3.64
Tài sản cố định	40.3	39.7	38.9	38.3	37.5
Bất động sản đầu tư	61.1	60.1	59.0	58.0	57.0
Tài sản dở dang	0	0	0	0.13	0.13
Đầu tư tài chính dài hạn	410	410	410	332	332
Tài sản dài hạn khác	4.87	4.40	3.77	3.15	2.55
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,744**	**1,731**	**1,709**	**1,666**	**1,580**
Nợ ngắn hạn	**1,732**	**1,718**	**1,697**	**1,655**	**1,570**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	569	554	548	547	508
Phải trả người bán ngắn hạn	913	910	856	823	685
Nợ dài hạn	12.2	12.5	12.0	10.7	9.88
Vay và nợ thuê dài hạn	2.15	2.15	1.81	0.54	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**582**	**573**	**555**	**526**	**501**
Vốn chủ sở hữu	**582**	**573**	**555**	**526**	**501**
Vốn điều lệ	496	496	496	496	496
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)